

Bản án số: 768/2026/HS-PT

Ngày: 10-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2), xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 634/2026/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo Vũ Văn C và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị hại là bà Trần Thị Ú đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Các bị cáo:**

1. Vũ Văn C, sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lái xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Vũ Văn K và bà Lê Thị D; vợ tên Nguyễn Thị P và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/5/2025 đến ngày 24/01/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Lê Viết T, sinh năm 2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: khu phố T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lê Viết T1 và bà Lương Thị P1; tiền án: không; tiền sự: Ngày 12/9/2022, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính số tiền 3.250.000 đồng về hành vi “có ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 230/QĐ-XPVPHC; nhân thân: Ngày 26/10/2023, bị Công an thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “sử dụng rượu bia gây rối trật tự công cộng” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPVPHC; ngày 10/9/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào

cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn chấp hành là 18 tháng kể từ ngày bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 15/QĐ-TA (đang chấp hành); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 24/6/2026 bị bắt tạm giam cho đến nay; có mặt.

3. Kha Vũ H, sinh năm 2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Kha Vũ K1 và bà Lê Thị Thanh P2; tiền án: không; tiền sự: Ngày 23/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn chấp hành là 14 tháng kể từ ngày 22/11/2022, chấp hành xong ngày 22/01/2024 theo Quyết định số 24/QĐ-TA; nhân thân: Ngày 11/5/2026, bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H khởi tố bị can về tội “Tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và bắt tạm giam theo Lệnh tạm giam số A7292/LTG-CSMT ngày 11/5/2026 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Trần Thanh L, sinh năm 1994 tại Đồng Nai. Nơi thường trú: ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đ); trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Trần Thanh H1 và bà Nguyễn Thị D1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

5. Lê Thị Trà G, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: số E, tổ B, khu phố D H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; con ông Lê Phong Q (đã chết) và bà Trương Thị Kim C1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Lê Việt D2 và bà Võ Thị H2 là Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Bà H2 có mặt, ông D2 vắng mặt.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ú làm nghề buôn bán tại chợ B, cửa hàng của bà Ú gần với cửa hàng bán trái cây của bà Trần Thị H3. Trong thời gian buôn bán, do bà Ú thường xuyên mở loa lớn hướng về phía cửa hàng của bà H3 nên ngày 21/11/2024 giữa bà H3 và

bà Ú xảy ra cự cãi qua lại. Biết sự việc trên, Vũ Văn C cùng vợ là Nguyễn Thị P sang cửa hàng của bà Ú nói chuyện, dẫn đến giữa C và bà Ú xảy ra cự cãi nhau.

Khoảng 17 giờ ngày 22/11/2024, Vũ Văn C điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra biên số: 61K-446.74 chở theo vợ là Nguyễn Thị P và bạn vợ tên N đi đến cửa hàng trái cây của bà H3 - mẹ vợ C. Đến nơi, C dừng xe ô tô đối diện cửa hàng của bà H3. Cùng lúc này, xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, màu trắng biên số: 61A-686.78 do Lương Huy S chở theo Lê Thị Trà G, Trần Thanh L, Lê Viết T đi đến chợ B để mua đồ ăn về nấu ăn tổ chức nhậu. Do chợ đông người nên lúc này, S đậu xe sau xe của C, cùng G, T, L bước xuống thì gặp C. Sáu hỏi C đi đâu, C trả lời “đi qua cho con nhỏ bán trái cây mấy бат tại, hôm trước nó đánh bà già vợ tao”. Sau đó, Vũ Văn C đi thẳng về hướng cửa hàng bán trái cây của bà Trần Thị Ú, thấy vậy S, G, T, L cùng đi theo về hướng chợ. Lúc này, Kha Vũ H đang chờ sửa xe đạp điện gần đó do quen biết với S và C nên qua hỏi chuyện, biết C chuẩn bị sang đánh bà Ú nên đi theo. C đi vào bên trong cửa hàng của bà Ú dùng tay nắm cổ áo, đâm vào vùng mặt và người bà Ú khoảng 02-03 cái. Lê Thị Trà G thấy vậy, cũng lao đến dùng tay đánh bà Ú, T nắm cổ áo Ú kéo ra giữa đường D, T, L, H thấy vậy nên cùng tiến đến bao vây xung quanh và dùng tay, chân đánh, đá bà Ú nằm giữa đường D. Sau khi đánh xong, T, G, L lên xe của Lương Huy S đi về hướng chợ B1 mua đồ ăn. Khi đi ngang qua cửa hàng nhà Ú, T hạ kính xe xuống và chỉ tay vào phía Ú đang ngồi trong kiot nói “còn con chó kia đâu, chúng mày coi chừng tao”. Về phía Kha Vũ H thì bỏ đi uống nước với bạn chờ sửa xe. Bà Ú được người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện. Sau khi xuất viện, đến ngày 23/12/2024 bà Ú làm đơn trình báo sự việc đến Công an thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, Công an thị trấn L tiếp nhận ban đầu sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 10/01/2025, Trung tâm pháp y tỉnh B ra Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 23/2025/KLGD-TTPY xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Trần Thị Ú tại thời điểm giám định là: 04% (Bốn phần trăm).

Ngày 14/01/2025, Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Bình Dương ra Quyết định trưng cầu giám định số: 45/QĐ yêu cầu Phòng K2 Công an tỉnh B trích xuất dữ liệu hình ảnh có trong 02 USB đã được niêm phong. Đến ngày 21/01/2025, Phòng K2 Công an tỉnh B ra Kết luận giám định số: 538/KL-KTHS trích xuất hình ảnh diễn biến của sự việc trên.

Ngày 02/04/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B gửi văn bản đến Trung tâm pháp y tỉnh B đề nghị xác định vết thương của bà Trần Thị Ú là do vật gì gây ra. Đến ngày 03/4/2025, Trung tâm Pháp y tỉnh B có văn bản phúc đáp như sau: khả năng vật tày gây ra thương tích cho bà Ú có thể là tay, chân của nhóm đối tượng này.

Ngày 16/4/2025, Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương có văn bản tổng hợp dư luận quần chúng và kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B xử lý các đối tượng trong vụ việc trên.

Quá trình điều tra các bị cáo G, T, L, H khai nhận: G, T, L, S, C có mối quan hệ quen biết nhau do cùng ở xã T (cũ) và có nhậu chung vài lần. Chiều ngày 22/11/2024, T gọi điện thoại rủ Lương H4 Sáu nhậu, S điện thoại rủ L thì L trả lời đang câu cá tại hồ câu Trâu Sữa với G. Nghe vậy, S sử dụng xe ô tô nhãn hiệu

Huyn dai Accent, màu trắng, biển số 61A-686.78 chở theo T đến hồ câu chõ L và G đến chợ B mua đồ ăn về tổ chức nấu ăn và uống rượu. Khi đến khu vực đường vào trong chợ B bắt gặp C có mặt ở đây, S hỏi thì C cho biết chuẩn bị đi đánh bà Ú, nghe vậy G, T, L, H đi theo xem. Khi thấy C đánh Ú, Ú giằng co nên T, G, L vào hỗ trợ đánh trả, trong lúc đó Lường Huy S đứng gần khu vực đó nhưng không tham gia đánh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn C, Lê Viết T, Lê Thị Trà G, Trần Thanh L, Kha Vũ H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn C 08 (tám) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/5/2025 đến ngày 24/01/2026. (đã chấp hành xong).

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Viết T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2026.

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Trà G 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Kha Vũ H 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, biện pháp xử lý hành chính, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, bà Trần Thị Ú có đơn yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm và tuyên phạt mức hình phạt đủ sức giáo dục, răn đe các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Viết T, Vũ Văn C, Trần Thanh L, Lê Thị Trà G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xác định; bị cáo Kha Vũ H vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Kha Vũ H, Lê Viết T, Vũ Văn C, Trần Thanh L, Lê Thị Trà G về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng

người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không có tình tiết tăng nặng, bản thân bị cáo C là lao động chính trong gia đình. Do đó, cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi của mỗi bị cáo tuyên mức hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn C 08 tháng 17 ngày tù (bằng thời hạn tạm giam), các bị cáo Lê Viết T và Kha Vũ H mỗi bị cáo 07 tháng tù, các bị cáo Trần Thanh L và Lê Thị Trà G mỗi bị cáo 06 tháng tù là phù hợp.

Về nội dung kháng cáo có dấu hiệu bỏ lọt hành vi Gây rối trật tự công cộng: xét thấy địa điểm các bị cáo gây án tuy là khu vực công cộng nhưng hành vi của sự việc diễn biến nhanh chóng và các bị cáo đã xử lý về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về nội dung kháng cáo có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm: với nội dung này cấp sơ thẩm đã trả điều tra bổ sung để tiến hành điều tra, đối chất nhưng chưa thể hiện việc ông S đi đến chợ nhằm mục đích cùng các bị cáo đánh bị hại nên không có cơ sở xác định ông S đồng phạm với các bị cáo C2, T, G, L.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại yêu cầu tổng số tiền là 167.101.118 đồng. Tuy nhiên, căn cứ Điều 586, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật Dân sự chỉ có căn cứ xác định buộc, gồm: tổn thất tinh thần là $2.340.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ lần} = 11.700.000 \text{ đồng}$, thu nhập thực tế bị mất của bà Trần Thị Ú từ ngày 22/11/2024 đến ngày 23/12/2025 là $4.960.000 \text{ đồng}/26 \text{ ngày} \times 31 \text{ ngày} = 5.913.846 \text{ đồng}$, thu nhập thực tế bị mất của bà Trần Thị Đ là $4.960.000 \text{ đồng}/26 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 1.907.692 \text{ đồng}$. Như vậy, các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 51.748.656 đồng và các bị cáo đã nộp số tiền 18.000.000 đồng nên cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 33.748.656 đồng là có cơ sở.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ú, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, là bà Võ Thị H5 trình bày: Theo quy định tại khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại trong các trường hợp: có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơ thẩm; việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố. Đối với hồ sơ vụ án này có đầy đủ cả 3 yếu tố nêu trên, số người tham gia đánh bị hại nhiều hơn số lượng bị cáo bị truy tố, căn cứ lời khai của những người làm chứng và lời khai của bị hại xác định có trên 02 người phụ nữ đánh bị hại nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm. Đối với vai trò của ông Lương Huy S đã tạo điều kiện vật chất cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như chạy xe chở các bị cáo đến nhập với nhóm của bị cáo C, việc ông S khai chở các bị cáo vô chợ để mua thức ăn nhưng không có căn cứ nào chứng minh vấn đề này và bà Ú có cung cấp file ghi âm cuộc trò chuyện giữa vợ chồng ông S với bà Ú có nêu rõ nội dung lời trình bày của ông S khi qua gặp bà Ú để xin lỗi nhưng Hội đồng xét xử không xem xét mà chỉ căn cứ vào lời khai của ông S tại cơ quan điều tra. Ngoài ra, việc điều tra tại cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ được sự việc cúp điện tại cửa nhà bà Ú thời điểm xảy ra sự việc và đề nghị làm rõ hành vi của ông H6

là cha vợ của bị cáo C đi ra sau trụ điện nhà bà Ú. Đối với các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Văn bản số 126 của UBND thị trấn L không được Cơ quan Cảnh sát điều tra đưa vào hồ sơ vụ án, đến ngày 05/12/2025, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có nêu ra Văn bản này trong Đơn đề nghị xem xét hành vi có dấu hiệu phạm tội “Tội gây rối trật tự công cộng” và yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung thì sau đó trong hồ sơ vụ án mới xuất hiện Văn bản số 126 trong hồ sơ vụ án, các bản tự khai của các bị cáo trong cùng một ngày nhưng đóng dấu bút lục khác nhau do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ảnh hưởng đến việc xác định cơ quan nào có thẩm quyền điều tra vụ án, có hay không việc làm sai lệch hồ sơ vụ án. Đối với hành vi nhóm các bị cáo đánh bà Ú ngoài đường, ngay chợ là nơi tập trung đông người nên đề nghị xem xét dấu hiệu phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

Về yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự theo bản án sơ xác định thu nhập thực tế bị mất của bà Trần Thị Đ do phải chăm sóc bị hại áp dụng mức lương cơ bản là 4.960.000 đồng/26 ngày x 10 ngày = 1.907.692 đồng là chưa phù hợp do thu thập thực tế bị mất của bà Đ là 700.000 đồng/ngày, ngoài ra mức tổn thất tinh thần đối với bà Ú là rất lớn nhưng Bản án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận mức bồi thường bằng 5 lần mức lương cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức yêu cầu bồi thường cao hơn.

Bà Trần Thị Út Đ1 với ý quan điểm phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo không tranh luận gì thêm. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên hình phạt như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 25 tháng 6 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, đến ngày 06 tháng 7 năm 2026 bà Trần Thị Ú có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Ú được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Văn C, Lê Viết T, Trần Thanh L, Lê Thị Trà G đã khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo Kha Vũ H vắng mặt có đơn trình bày ý kiến thừa nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong lúc buôn bán giữa bị hại bà Trần Thị Ú và bà Trần Thị H3 (mẹ vợ Vũ Văn C) nên vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/11/2024 tại ấp Đ, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Vũ Văn C, Lê Viết T, Lê Thị Trà G, Trần Thanh L, Kha Vũ H có hành vi dùng tay, chân đánh đá vào vùng mặt, đầu và cơ thể của bị hại Trần Thị Ú dẫn đến thương tích 04%.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng

cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo Vũ Văn C là lao động chính trong gia đình và có hoàn cảnh gia đình khó khăn được xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá và áp dụng các tình tiết nêu trên cho bị cáo là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét đơn kháng cáo của bị hại bà Trần Thị Út :

Đối với yêu cầu xử lý các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ và trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tuy nhiên, sau khi điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”. Xét hành vi của các bị cáo xảy ra xuất phát từ mâu thuẫn giữa bị hại và bà Trần Thị H3, các bị cáo đi đến nơi bị hại buôn bán thực hiện hành vi đánh bị hại và sau đó nhanh chóng rời khỏi hiện trường, không tiếp tục có hành vi gây mất trật tự hoặc kích động, lôi kéo người khác tham gia gây rối. Mặc dù hành vi của các bị cáo xảy ra tại khu vực chợ, có nhiều người chứng kiến và có ảnh hưởng nhất định đến tình hình trật tự tại địa phương, nhưng với tính chất, diễn biến và thời gian xảy ra vụ việc cho thấy hành vi chủ yếu nhằm xâm phạm sức khỏe của bị hại, không có căn cứ xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng đến mức nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tại cấp phúc thẩm, bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới có giá trị chứng minh các bị cáo đã có hành vi gây rối trật tự công cộng độc lập với hành vi cố ý gây thương tích và hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành một tội phạm khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Út .

Đối với yêu cầu cho rằng trong vụ án còn có đồng phạm khác tham gia thực hiện hành vi phạm tội, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nội dung này được Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ và trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tuy nhiên, sau khi trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 13/CT-VKSKV19 ngày 14/11/2025. Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận cần tiếp tục điều tra, làm rõ vấn đề này và kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định pháp luật. Do đó, việc cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh Viện kiểm sát đã truy tố là phù hợp với phạm vi xét xử và tài liệu, chứng cứ đã được thu thập tại thời điểm xét xử.

Tại cấp phúc thẩm, chưa có tài liệu, chứng cứ nào mới có giá trị chứng minh việc ngoài các bị cáo đã bị truy tố, xét xử còn có người khác cùng tham gia thực hiện hành vi đánh bị hại hoặc có hành vi khác cấu thành tội phạm nhưng chưa được xử lý. Những nội dung bị hại trình bày về việc còn có đồng phạm khác đã được cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xem xét, xác minh trong quá trình điều tra, điều tra bổ sung và đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định trong bản án. Trường hợp trong quá trình tiếp tục xác minh, điều tra bổ sung nếu có căn cứ xác định có người khác thực hiện hành vi phạm tội hoặc có hành vi phạm tội khác chưa được xử lý thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, xử lý theo quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án đối với các bị cáo trong vụ án này.

Đối với yêu cầu của bị hại kháng cáo về mức hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo mới bảo đảm tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh nhân thân của các bị cáo, dựa vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, phân hóa hình phạt với các đồng phạm khác, đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo và xử phạt bị cáo Vũ Văn C 08 tháng 17 ngày tù, bị cáo Lê Thị Trà G 06 tháng tù, Trần Thanh L 06 tháng tù, bị cáo Kha Vũ H 07 tháng tù, bị cáo Lê Viết T 07 tháng tù là phù hợp.

Đối với kháng cáo yêu cầu về phân trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: dựa trên mức độ thương tích của bị hại là 04%, các chứng từ, hóa đơn chi phí khám chữa bệnh, thiệt hại về tổn thất tinh thần, thu nhập thực tế bị mất và chi phí đi lại để chăm sóc bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 51.748.656 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 586, Điều 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Việc bị hại bà Trần Thị Ú kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho những thiệt hại đối với bà Ú là cao hơn mức mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc các bị cáo bồi thường nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự của bà Trần Thị Út.

Do vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của bị hại bà Trần Thị Út.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn C, Kha V, Lê Viết T, Trần Thanh L, Lê Thị Trà G và bị hại bà Trần Thị Ú không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Trần Thị Ú; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2026/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn C 08 (tám) tháng 17 (mười bảy) ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/5/2025 đến ngày 24/01/2026. (bị cáo đã chấp hành xong).

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Viết T 07 (bảy) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2026.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Trà G 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh L 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Kha Vũ H 07 (bảy) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Vũ Văn C, Lê Viết T, Lê Thị Trà G, Trần Thanh L, Kha Vũ H liên đới bồi thường cho bị hại bà Trần Thị Ú số tiền là 33.748.656 đồng (ba mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng).

2. Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn C, Kha V, Lê Viết T, Trần Thanh L, Lê Thị Trà G và bị hại bà Trần Thị Ú không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1)
- VKSND Tp.HCM; (1)
- TAND khu vực 19; (10)
- VKSND khu vực 19; (1)
- Phòng THADS khu vực 19; (1)
- Công an Tp.HCM (Điều tra); (1)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- Công an Tp.HCM (Lý lịch TP); (1)
- Trại tạm giam Bó Lá; (1)
- Các bị cáo; (3)
- Bị hại; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. 26. (22)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Hữu Lâm**

